

**MÔN HỌC: QUẢN LÝ DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

# **Ch.1 – TỔNG QUAN**

**ThS. Tạ Việt Phương**  
phuongtv@uit.edu.vn

# Nội dung

1. Giới thiệu
2. Khái niệm dự án
3. Phân loại dự án
4. Quản lý dự án là gì?
5. Sự cần thiết của quản lý dự án
6. Các bên liên quan đến dự án
7. Dự án CNTT
8. Các giai đoạn của một dự án CNTT
9. Các khung và tiêu chuẩn quản lý dự án

# 1. GIỚI THIỆU

# Khái niệm về quản lý

- **Quản lý** (nói chung) là sự tác động của **chủ thể quản lý** lên **đối tượng quản lý** nhằm đạt được **mục tiêu** nhất định trong điều kiện biến động của **môi trường**.
  - Có chủ thể quản lý (người quản lý)
  - Có đối tượng quản lý (người bị quản lý)
  - Có mục tiêu cần đạt được
  - Có môi trường quản lý

# Khái niệm về quản lý

- Quản lý là **nghệ thuật** đạt mục đích thông qua nỗ lực của những người khác (khái niệm định tính).
- Quản lý là **công tác phối hợp** có hiệu quả các hoạt động của những công sự khác nhau trong cùng một tổ chức.
- Quản lý là **quá trình** lập kế hoạch, tổ chức, chỉ huy, lãnh đạo và kiểm tra các nguồn lực, nhằm đạt được mục đích với hiệu quả cao trong điều kiện môi trường luôn luôn biến động.

# Quản lý là...

## Nghệ thuật

- Sự đa dạng, phong phú, muôn màu muôn vẻ của sự vật, hiện tượng.
- QL cơ quan hành chính  $\neq$  QL doanh nghiệp  $\neq$  QL trường học  $\neq$  QL dự án
- Hiệu quả QL phụ thuộc vào kinh nghiệm, cá tính, sự khéo léo, linh hoạt, cơ may, vận rủi của người QL.

## Khoa học

- Tổng hợp và vận hành các quy luật: kinh tế, công nghệ, xã hội.
- Vận dụng những thành tựu khoa học, công nghệ trong quản lý: các phương pháp dự báo, tâm lý học, tin học.

## Nghề

- Phải học, thực hành.
- Phải có được nhiều yếu tố ban đầu: cách học, chương trình học, năng khiếu, ...

## **2. KHÁI NIỆM DỰ ÁN**

# Khái niệm dự án

- **Dự án** là một chuỗi các công việc (nhiệm vụ, hoạt động), được thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đề ra trong điều kiện ràng buộc về **phạm vi (scope)**, **thời gian (time)** và **ngân sách (cost/budget)**.
- **Dự án** là một tập hợp nhiều hoạt động có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, để hoàn thành một **sản phẩm nhất định** với **chi phí** và **thời gian** xác định.



# Khái niệm dự án

- Dự án là một nỗ lực tạm thời được tiến hành để tạo ra một sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả duy nhất (PMBOK 6 - 2017).
- 4 yếu tố quan trọng:
  - Tập thể thực hiện dự án
  - Thời gian dự kiến thực hiện dự án
  - Kết quả dự kiến
  - Kinh phí dự kiến

# Khái niệm dự án

- 4 yếu tố quan trọng
  - **Tập thể thực hiện dự án:** nguồn nhân lực, mỗi người có chuyên môn và năng lực nhất định.
  - **Thời gian dự kiến thực hiện dự án:** Ngày bắt đầu, ngày kết thúc, thời điểm trung gian ứng với kết quả trung gian.
  - **Kết quả dự kiến:** Sản phẩm sau cùng của dự án, phải hình dung và mô tả được. Kết quả có đặc tính/đặc điểm gì, giá trị sử dụng như thế nào? hiệu quả ra làm sao?
  - **Kinh phí dự kiến:** tiền để thực hiện dự án. Người (hoặc đơn vị) cấp tiền (cấp vốn) được gọi là chủ đầu tư.

# Khái niệm dự án

- Ví dụ: Dự án xây dựng ngôi nhà 5 tầng cho công ty

|                            |  |
|----------------------------|--|
| <b>Tập thể thực hiện</b>   | Nhóm kiến trúc sư, công nhân xây dựng, giám sát viên kỹ thuật.   |
| <b>Thời gian thực hiện</b> | 6 tháng, Khởi công: ngày N1, dự kiến kết thúc: ngày N2.  |
| <b>Kinh phí</b>            | 900 triệu đồng (?)   |
| <b>Kết quả</b>             | 1 ngôi nhà 5 tầng với đầy đủ tiện nghi làm việc cho cơ quan, diện tích mỗi tầng khoảng 200m <sup>2</sup> |

# Các thuộc tính của dự án

- Có mục đích rõ ràng, duy nhất.
- Có tính tạm thời: có ngày bắt đầu, ngày kết thúc
- Có ràng buộc về chi phí, thời gian, nguồn lực.
- Sản phẩm hoặc dịch vụ duy nhất: Dự án tạo ra một sản phẩm hoặc dịch vụ duy nhất, không giống với bất kỳ sản phẩm hoặc dịch vụ nào khác.
- Có nhiều rủi ro (không chắc chắn).
- Nhiều người và tổ chức khác nhau cùng tham gia: có khách hàng và/hoặc nhà tài trợ.
- Nhiều thay đổi và nhiều vấn đề xuất hiện

# Các thuộc tính của dự án

- Đầu vào và đầu ra được xác định rõ ràng: Dự án có đầu vào và đầu ra được xác định rõ ràng.
- Quá trình được xác định rõ ràng: Dự án có quá trình được xác định rõ ràng để chuyển đổi đầu vào thành đầu ra.

### **3. PHÂN LOẠI DỰ ÁN**

# Phân loại dự án

- Theo lĩnh vực chuyên môn (ngành nghề): dự án CNTT, dự án kỹ thuật, dự án xã hội, dự án xây dựng ...
- Theo tầm cỡ (quy mô) dự án
  - Dự án lớn: tổng kinh phí huy động lớn, số lượng các bên tham gia đông, thời gian dài trải, quy mô rộng lớn.
  - Dự án trung bình và nhỏ: không đòi hỏi kinh phí nhiều, thời gian ấn định ngắn, không quá phức tạp.
- Theo tính phức tạp: Dự án có thể được phân loại thành dự án đơn giản, dự án phức tạp và dự án rất phức tạp.
- Theo tính rủi ro: Dự án có thể được phân loại thành dự án rủi ro thấp, dự án rủi ro trung bình và dự án rủi ro cao.

# Phân loại dự án

- Theo các mục tiêu về lợi nhuận: phi lợi nhuận, lợi nhuận
- Dự án nhiều người hay ít người tham gia
- Dự án nội bộ hay bên ngoài
- Dự án dài hạn hay ngắn hạn
- Ví dụ:
  - Xây dựng một hệ thống máy tính cho một trường học.
  - Xây dựng và thiết kế một Website.
  - Xây dựng một hệ thống bán hàng qua mạng.
  - Xây dựng hệ thống đào tạo từ xa.
  - ...



## 4. QUẢN LÝ DỰ ÁN

# Quản lý dự án

- QLDA là việc áp dụng **kiến thức (knowledge)**, **kỹ năng (skills)**, **công cụ (tools)** và **kỹ thuật (techniques)** vào hoạt động của một dự án nhằm đáp ứng các yêu cầu của dự án. Quản lý dự án được thực hiện thông qua việc áp dụng và tích hợp phù hợp các quy trình quản lý dự án được xác định cho dự án. (PMBOK® Guide)

# Quản lý dự án

- **Mục đích của quản lý dự án:** nhằm đảm bảo cho dự án được thực hiện thành công, nghĩa là phải đáp ứng các yêu cầu sau:
  - Hoàn thành trong thời gian quy định
  - Chi phí không vượt quá 10 – 20% kinh phí dự kiến
  - Kết quả đáp ứng yêu cầu mục tiêu đề ra
  - Khách hàng hài lòng
  - Sử dụng nguồn lực hiệu quả

# Quản lý dự án

- Các hoạt động quản lý dự án thông thường bao gồm:
  - Xác định yêu cầu dự án
  - Giải quyết các nhu cầu, mối quan tâm và kỳ vọng khác nhau của các bên liên quan (stakeholders)
  - Thiết lập và duy trì giao tiếp tích cực với các bên liên quan
  - Quản lý tài nguyên
  - Cân bằng các hạn chế cạnh tranh của dự án, bao gồm nhưng không giới hạn:
    - Phạm vi (Scope)
    - Lịch trình (Schedule)
    - Chi phí (Cost)
    - Chất lượng (Quality)
    - Tài nguyên (Resources)
    - Rủi ro (Risk)

## **5. VAI TRÒ CỦA QUẢN LÝ DỰ ÁN**

# Sự cần thiết của quản lý dự án

- Các dự án IT có tỷ lệ thành công rất ít. Theo nghiên cứu của Standish Group (CHAOS) năm 2011-2015 ở Mỹ:

|            | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|------------|------|------|------|------|------|
| SUCCESSFUL | 29%  | 27%  | 31%  | 28%  | 29%  |
| CHALLENGED | 49%  | 56%  | 50%  | 55%  | 52%  |
| FAILED     | 22%  | 17%  | 19%  | 17%  | 19%  |

# Sự cần thiết của quản lý dự án

- Các thống kê về quản lý dự án
  - Mỗi năm Nước Mỹ đã tiêu 2.3 nghìn tỷ USD cho các dự án – tương đương với  $\frac{1}{4}$  GDP
  - Cả thế giới đã tiêu 10 nghìn tỷ USD cho tất cả các loại dự án trong tổng số 40.7 nghìn tỷ GDP
  - Có hơn 1.6 triệu người quan tâm đến quản trị dự án trong công việc của họ, trung bình một người quản trị dự án kiếm được 82,000 USD mỗi năm.

# Sự cần thiết của quản lý dự án



BÁO CÁO LƯƠNG IT

## MỨC LƯƠNG & MONG ĐỢI NGHỀ NGHIỆP CỦA CÁC CHUYÊN GIA IT 2023 - 2024

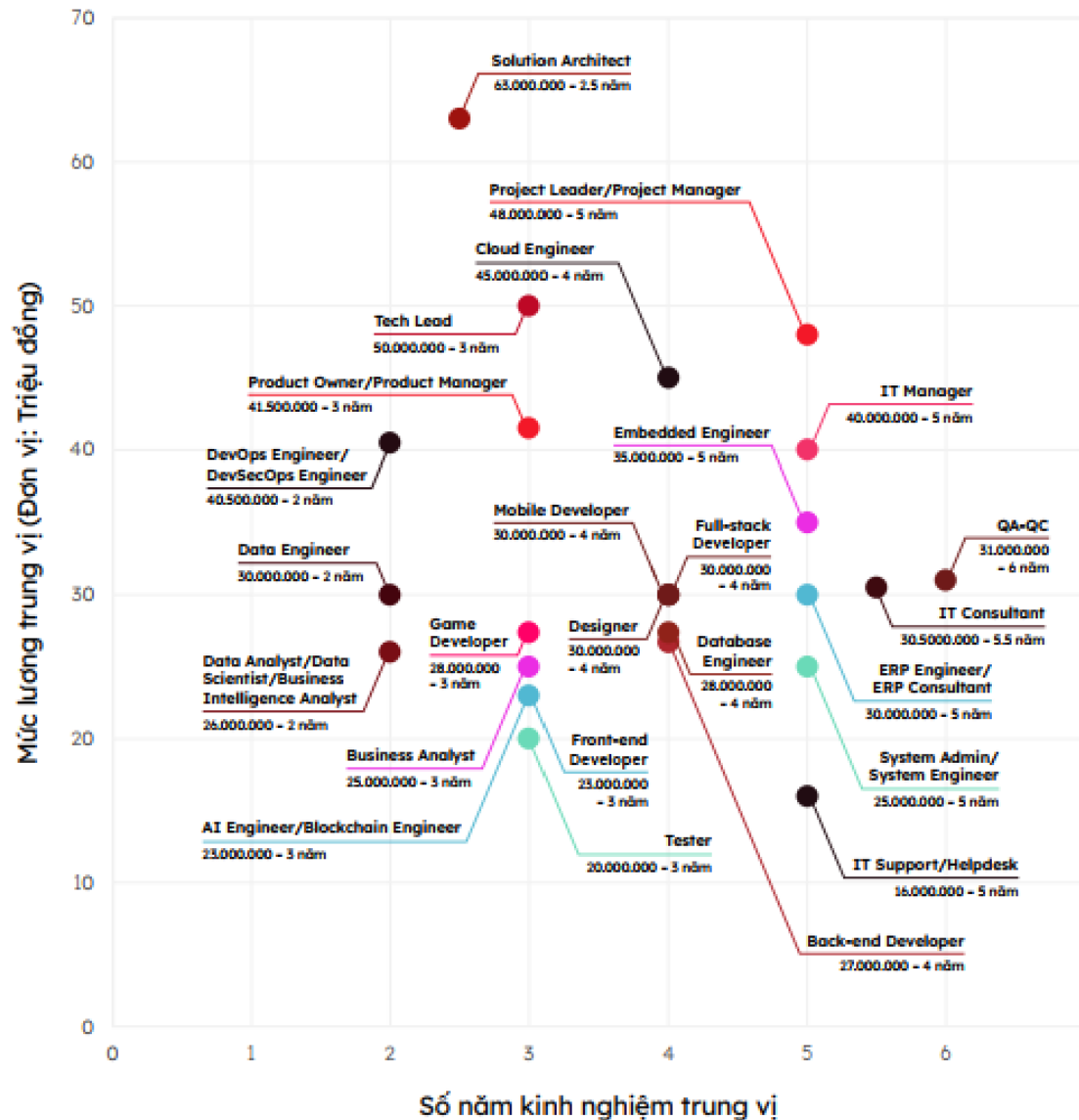


Mọi quyết định  
đều dễ dàng hơn  
khi đã có số liệu

Phản hồi từ  
2,207 chuyên gia IT

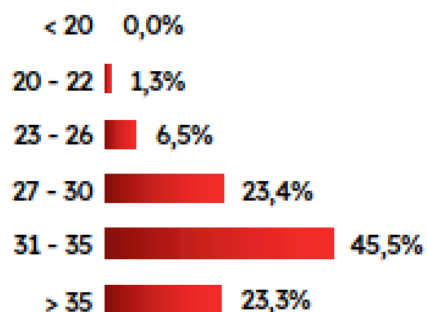


# MỨC LƯƠNG TRUNG VỊ VÀ SỐ NĂM KINH NGHIỆM TRUNG VỊ THEO VỊ TRÍ IT

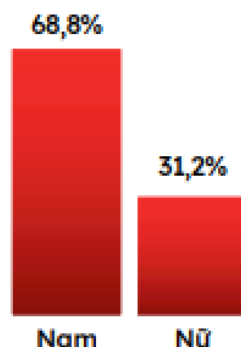


# PROJECT LEADER/ PROJECT MANAGER

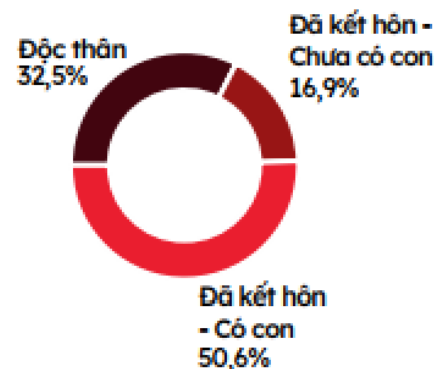
**Độ Tuổi**



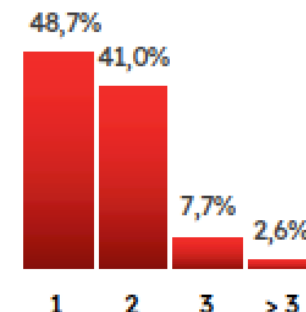
**Giới Tính**



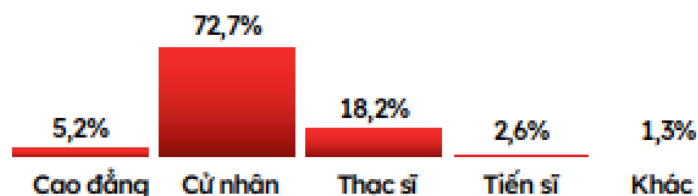
**Tình Trạng Hôn Nhân**



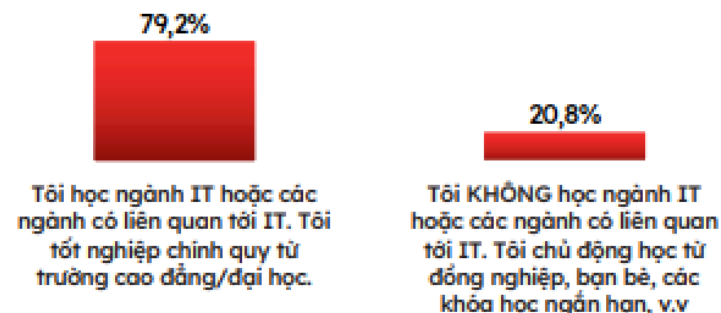
**Số Con**



**Trình Độ Học Vấn**



**Chuyên Ngành IT**

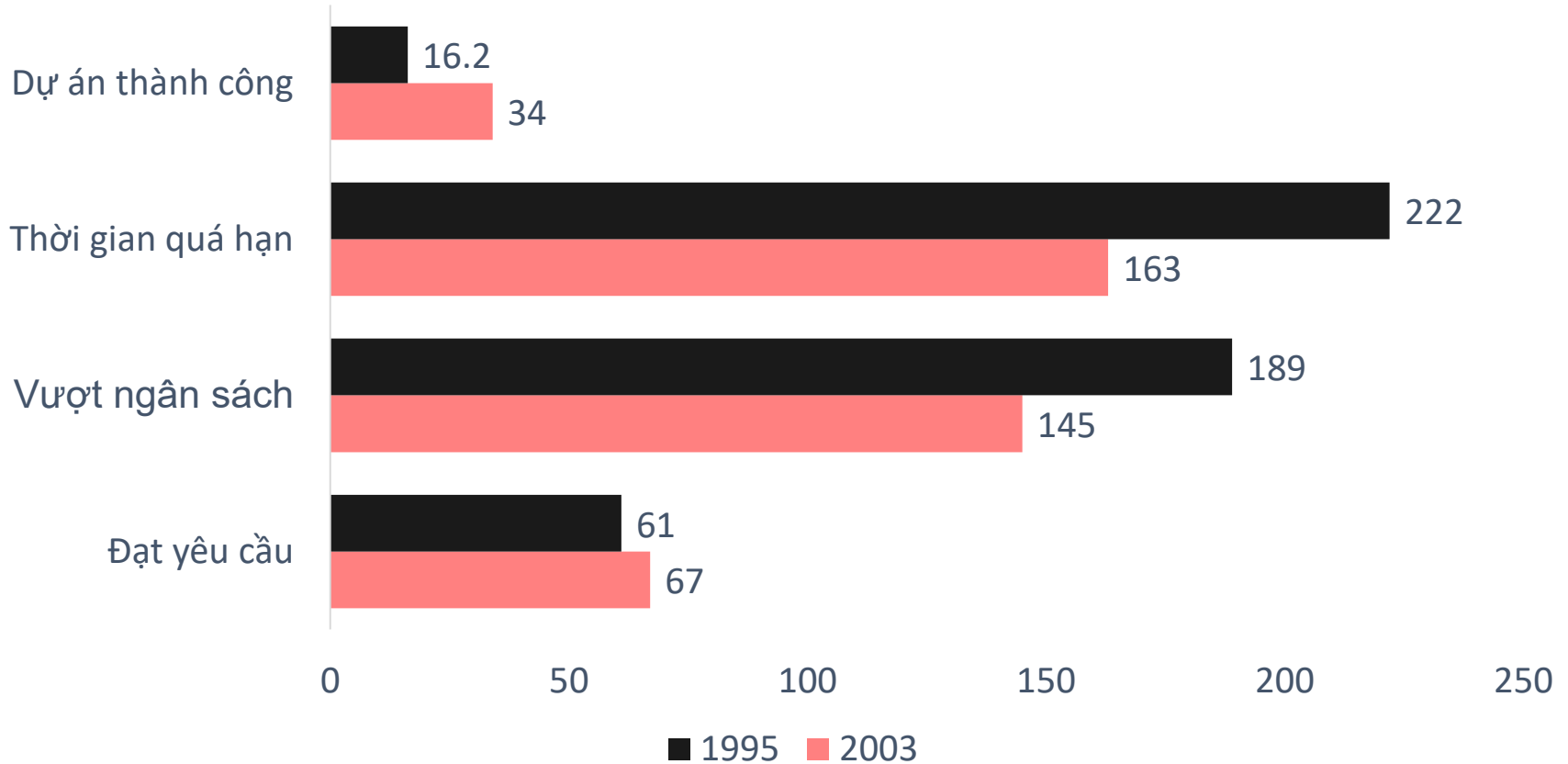


# Sự cần thiết của quản lý dự án

- Các thống kê về quản lý dự án
  - Số lượng các dự án IT tăng rất nhanh
    - Năm 2000, có 300,000 dự án IT
    - Năm 2001, có 500,000 dự án IT
- Rất nhiều nhà kinh doanh, các tác giả và những chuyên gia nổi tiếng nhấn mạnh đến tầm quan trọng về quản trị dự án. Tom Peters đã viết trong một quyển sách của ông, “To win today you must master the art of the project!”

# Sự cần thiết của quản lý dự án

Standish Group thống kê trên 13.522 dự án IT



# Sự cần thiết của quản lý dự án

- Các dự án thành công là các dự án:
  - Đúng thời hạn, trong phạm vi kinh phí cho phép.
  - Nhóm thực hiện không cảm thấy bị kiểm soát quá mức.
  - Khách hàng thỏa mãn:
    - Sản phẩm của dự án giải quyết được vấn đề.
    - Được tham gia vào quá trình QL DA.
  - Người quản lý hài lòng với tiến độ.

# Sự cần thiết của quản lý dự án

- Một dự án thất bại là dự án
  - Không đạt được mục tiêu của dự án
  - Không đáp ứng được thời hạn
  - Vượt quá ngân sách ít nhất 10-20%
- Một số lý do dẫn đến thất bại
  - Chiến lược phát triển dự án còn bất cập
  - Quản lý kém
  - Thiếu thông tin trong quá trình thực hiện dự án
  - Không rõ mục tiêu
  - Nghiên cứu thị trường không được tiến hành
  - Đội ngũ phát triển thiếu chuyên nghiệp
  - Các lý do khác

# Sự cần thiết của quản lý dự án

- Những ưu điểm của QLDA:
  - ✓ Kiểm soát tốt hơn các tài nguyên về tài chính, vật liệu và nguồn nhân lực
  - ✓ Cải tiến quan hệ với khách hàng
  - ✓ Rút ngắn thời gian phát triển
  - ✓ Giảm chi phí, lợi nhuận cao hơn
  - ✓ Chất lượng và độ tin cậy cao hơn
  - ✓ Cải tiến năng suất lao động
  - ✓ Phối hợp nội bộ tốt hơn
  - ✓ Tinh thần làm việc cao hơn

# Vai trò của người quản lý dự án

- Người quản lý dự án (project manager) là người do tổ chức thực hiện giao nhiệm vụ dẫn dắt đội ngũ chịu trách nhiệm đạt được mục tiêu dự án. Mỗi quan hệ báo cáo của người quản lý dự án dựa trên cấu trúc tổ chức và quản trị dự án.
- Kỹ năng và thuộc tính cần thiết:
  - Kiến thức: Quản lý dự án, môi trường kinh doanh, Kỹ thuật liên quan, thông tin khác cần thiết để quản lý dự án hiệu quả.
  - Kỹ năng: Lãnh đạo nhóm dự án hiệu quả., Điều phối công việc, Hợp tác với các bên liên quan, Giải quyết vấn đề, Ra quyết định.
  - Khả năng: Phát triển và quản lý phạm vi, thời gian, ngân sách, tài nguyên, rủi ro, kế hoạch, thuyết trình và báo cáo



## **6. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN**

# Các bên liên quan đến dự án

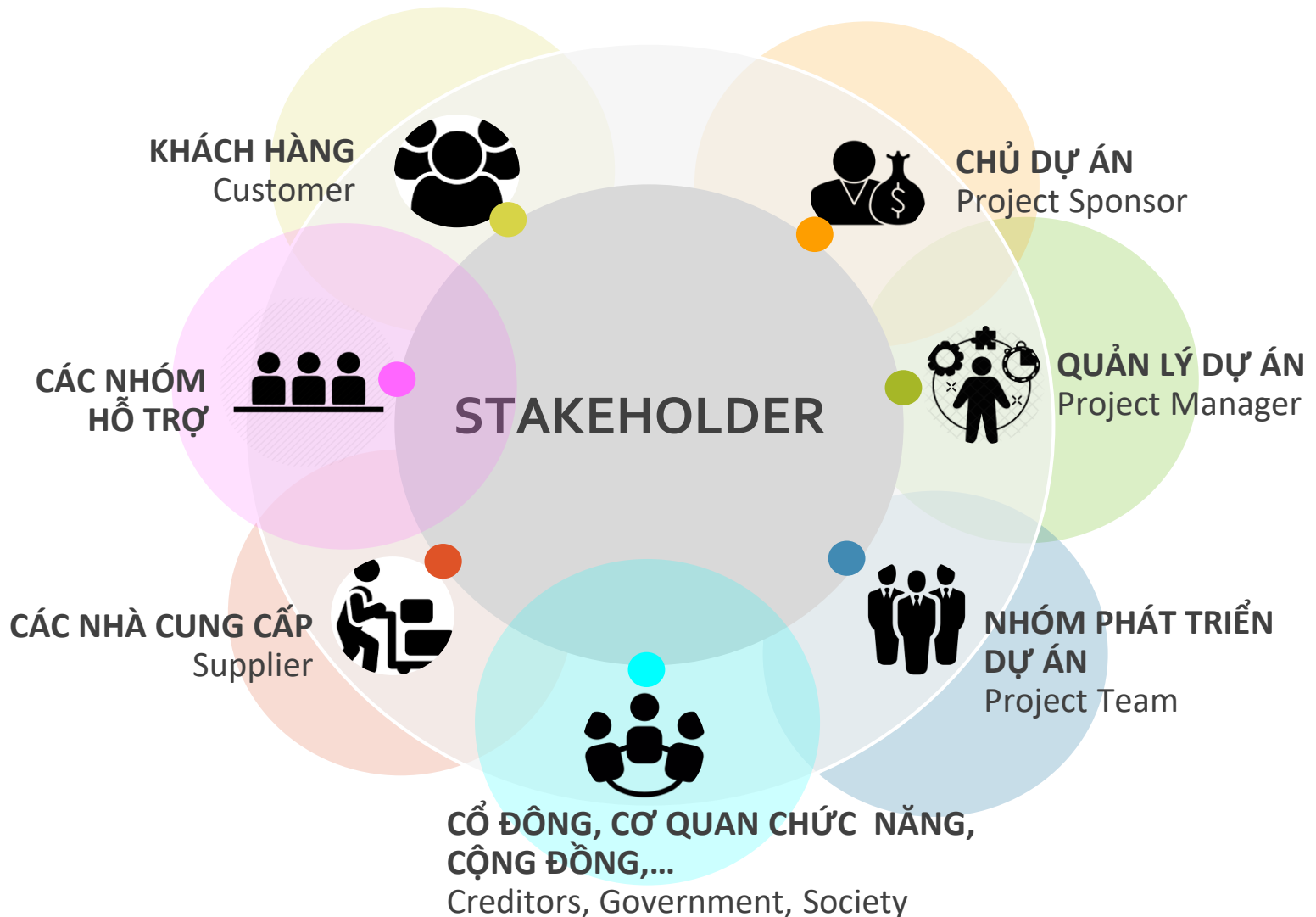
- Các bên tham gia (**Stakeholders**)
- Là tất cả những ai có liên quan hoặc bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của dự án (là một cá nhân, nhóm hoặc tổ chức có thể ảnh hưởng, bị ảnh hưởng bởi, hoặc tự cho rằng mình bị ảnh hưởng bởi một quyết định, hoạt động hoặc kết quả của dự án)
- Có thể là bên trong hoặc bên ngoài dự án.
- Có thể tham gia tích cực, thụ động, hoặc không biết về dự án.
- Có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến dự án, hoặc bị dự án tác động tích cực hoặc tiêu cực.

# Các bên liên quan đến dự án

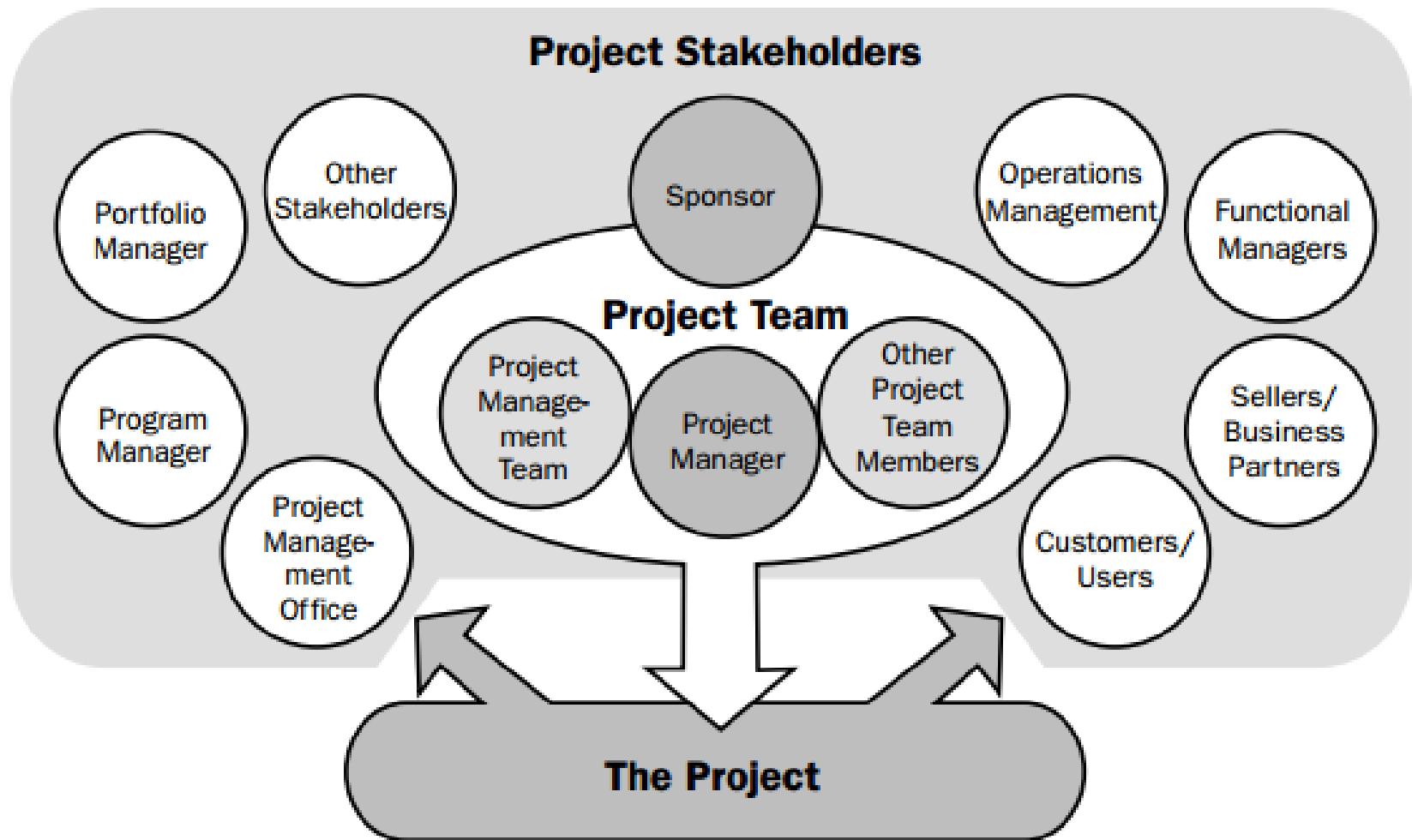
Các bên tham gia bao gồm:

- Bên trong:
  - Người Quản lý dự án
  - Nhà tài trợ (sponsor)
  - Văn phòng quản lý dự án (PMO)
  - Thành viên nhóm dự án
- Bên ngoài:
  - Khách hàng, Người dùng..
  - Nhà cung cấp
  - Cổ đông (Shareholders)
  - Cơ quan quản lý
  - Đối thủ cạnh tranh
- Danh sách bên liên quan thực tế của một dự án có thể phong phú và đa dạng hơn

# Các bên liên quan đến dự án



# Các bên liên quan đến dự án



## 7. DỰ ÁN CNTT

# Dự án công nghệ thông tin

- Dự án công nghệ thông tin
  - Là 1 dự án thực hiện trong lĩnh vực công nghệ thông tin (liên quan đến các vấn đề phần cứng, phần mềm, mạng máy tính và con người trong lĩnh vực CNTT)
  - Tuân thủ các nguyên tắc của một dự án nói chung
  - Tuân thủ các nguyên tắc công nghệ thông tin: đi theo quy trình sản xuất và chế tạo ra sản phẩm công nghệ thông tin

# Dự án công nghệ thông tin

- Theo Pháp luật VN, có định nghĩa về “**Dự án ứng dụng công nghệ thông tin**”.
- Theo Nghị định 73/2019/NĐ-CP Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước:
  - Dự án ứng dụng công nghệ thông tin là một tập hợp các hoạt động có liên quan đến việc **nguyên cứu, bỏ vốn để mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu để phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả vận hành trong một thời hạn nhất định**. Ở giai đoạn chuẩn bị, dự án ứng dụng công nghệ thông tin được thể hiện thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật.



# Phân loại dự án CNTT

- Đối với Dự án CNTT ?
  - Phân loại theo mục tiêu:
    - Dự án hạ tầng CNTT: Dự án này nhằm xây dựng hoặc nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT, chẳng hạn như mạng máy tính, hệ thống lưu trữ,...(VD: Nâng cấp quản trị hệ thống mạng, lắp đặt hệ thống camera giám sát,...)
    - Dự án triển khai phần mềm: Dự án này nhằm triển khai một ứng dụng phần mềm mới hoặc nâng cấp một ứng dụng phần mềm hiện có trong các hoạt động quản lý, an ninh, kinh tế, hoạt động sản xuất
    - Dự án kết hợp: Triển khai hệ thống phần cứng và phần mềm.
    - Dự án tích hợp hệ thống: Dự án này nhằm tích hợp hai hoặc nhiều hệ thống CNTT lại với nhau.
    - Dự án dịch vụ CNTT: Dự án này nhằm cung cấp các dịch vụ CNTT cho khách hàng, chẳng hạn như bảo trì hệ thống, hỗ trợ kỹ thuật,...

# Phân loại dự án CNTT

- Theo phân loại dự án thông thường.
  - Theo quy mô
  - Theo độ phức tạp
  - Phân loại theo loại hình tổ chức: Dựa trên loại hình tổ chức thực hiện dự án, dự án CNTT có thể được phân thành các loại sau:
    - Dự án nội bộ: Dự án được thực hiện bởi một tổ chức cho chính mình.
    - Dự án bên ngoài: Dự án được thực hiện bởi một tổ chức cho một tổ chức khác.

# Quản lý dự án CNTT

- Phân biệt nghĩa của quản lý, quản lý dự án và quản lý dự án công nghệ thông tin

**Quản lý**

**Quản lý dự án**

**Quản lý dự án công nghệ thông tin**

# Quản lý dự án CNTT

- Quản lý dự án công nghệ thông tin
  - Quá trình quản lý kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các dự án CNTT để đạt được các mục tiêu.
  - Vừa áp dụng khung quản lý dự án (nói chung), vừa quản lý theo sự đặc thù của dự án CNTT

# Quản lý dự án CNTT

- Các dự án CNTT có những đặc điểm riêng so với các dự án thông thường, do đó, cần lưu ý một số điểm sau trong việc quản lý dự án CNTT:
  - Năng lực kỹ thuật: Các dự án CNTT thường đòi hỏi các kỹ năng kỹ thuật cao, do đó, người quản lý dự án CNTT cần có kiến thức và kinh nghiệm về CNTT.
  - Tính phức tạp: Các dự án CNTT thường phức tạp hơn các dự án thông thường, do đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan và sử dụng các phương pháp quản lý dự án phù hợp.
  - Thay đổi: Công nghệ thay đổi nhanh chóng, do đó, các dự án CNTT cần linh hoạt và sẵn sàng thay đổi.
  - Rủi ro: Rủi ro trong các dự án CNTT thường cao hơn các dự án thông thường, do đó, cần có kế hoạch quản lý rủi ro hiệu quả.

## **8. CÁC GIAI ĐOẠN CỦA MỘT DỰ ÁN CNTT**

# Các giai đoạn của dự án CNTT

- SDLC

- Software Development Life Cycle
- Systems Development Life Cycle: quá trình lập kế hoạch, tạo, thử nghiệm và triển khai một hệ thống thông tin. Khái niệm SDLC áp dụng cho nhiều loại dự án về phần cứng và phần mềm, vì một hệ thống có thể chỉ bao gồm phát triển phần cứng, phát triển phần mềm hoặc kết hợp cả hai.

# Các giai đoạn của dự án CNTT

- 7 giai đoạn của một dự án CNTT

- Xác định (Khởi động)
- Phân tích
- Thiết kế
- Thực hiện (phát triển)
- Kiểm thử hệ thống
- Kiểm thử chấp nhận
- Triển khai, vận hành (và bảo trì)



# Các giai đoạn của dự án CNTT

- Đối với mỗi giai đoạn:
  - Mục đích
  - Các hoạt động chính
  - Tài liệu kết quả

# GIẢI ĐOẠN XÁC ĐỊNH

## MỤC ĐÍCH

- Hiểu đầy đủ về các vấn đề của dự án, các yêu cầu của người dùng.
- Ước lượng được giá thành và thời gian thực hiện.



## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Xác định vấn đề, mục tiêu, kết quả
- Viết đề cương dự án và nghiên cứu tính khả thi
  - Xác định các rủi ro
  - Lập kế hoạch ban đầu
- Đề xuất giải pháp với người dùng

## TÀI LIỆU KẾT QUẢ

- Đề cương dự án
- Nghiên cứu khả thi
- Danh sách rủi ro
- Kế hoạch ban đầu
- Giải pháp đề xuất



# GIẢI ĐOẠN PHÂN TÍCH

## MỤC ĐÍCH

- Xác định các yêu cầu chức năng của hệ thống
- Hình dung hệ thống sẽ thực hiện các chức năng như thế nào



## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Viết tài liệu Đặc tả chức năng
  - Xem lại kế hoạch ban đầu
- Thiết kế hệ thống ở mức tổng thể

## TÀI LIỆU KẾT QUẢ

- Đặc tả chức năng
- Kế hoạch triển khai



# GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ

## MỤC ĐÍCH

- Xác định chính xác hệ thống sẽ làm việc như thế nào.
- Xác định các bộ phận, các chức năng và các mối liên kết giữa chúng



## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Viết tài liệu Đặc tả thiết kế
- Soạn kế hoạch kiểm thử chấp nhận

## TÀI LIỆU KẾT QUẢ

- Đặc tả thiết kế
- Kế hoạch kiểm thử chấp nhận



# GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN

## MỤC ĐÍCH

- Xây dựng và ráp nối các thành phần của hệ thống



## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Triển khai cài đặt theo thiết kế
  - Kiểm thử từng thành phần
    - Biên soạn tài liệu

## TÀI LIỆU KẾT QUẢ

- Biên bản kiểm thử từng thành phần
- Kế hoạch kiểm thử hệ thống
- Tài liệu cho người dùng



# GIẢI ĐOẠN KIỂM THỬ HỆ THỐNG

## MỤC ĐÍCH

- Tích hợp tất cả phần cứng
- Kiểm tra theo các chức năng trong thiết kế
- Đảm bảo hệ thống làm việc tốt, không bị lỗi



## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Tích hợp và kiểm thử từng phân hệ
- Tích hợp và kiểm thử toàn bộ hệ thống

## TÀI LIỆU KẾT QUẢ

- Biên bản kết quả kiểm thử hệ thống
- Sản phẩm sau khi kiểm thử là toàn bộ hệ thống đã làm việc tốt



# GIẢI ĐOẠN KIỂM THỬ CHẤP NHẬN

## MỤC ĐÍCH

- Đạt được sự chấp nhận của người dùng bằng văn bản



## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Thực hiện các kiểm thử đã đưa ra trong kế hoạch kiểm thử chấp nhận.
  - Demo cho khách hàng các chức năng của hệ thống
    - Hiệu chỉnh nếu cần thiết

## TÀI LIỆU KẾT QUẢ

- Báo cáo kết quả demo
- Biên bản xác nhận của người dùng



# GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH

## MỤC ĐÍCH

- Chuyển giao toàn bộ hệ thống cho người dùng.
- Vận hành và hoàn thiện hệ thống.



## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Cài đặt hệ thống cho khách hàng
  - Đào tạo người sử dụng
  - Bảo hành
- Rút kinh nghiệm

## TÀI LIỆU KẾT QUẢ

- Báo cáo kết quả vận hành
- Kinh nghiệm đúc kết được





## **9. CÁC KHUNG VÀ TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

# Các khung và tiêu chuẩn

- Phương pháp quản lý dự án là một hệ thống các thông lệ, kỹ thuật, phương thức và luật lệ được xây dựng và ứng dụng trong các bộ máy vận hành của doanh nghiệp. Mỗi hệ phương pháp quản lý dự án được xây dựng để phục vụ một mục tiêu chiến lược cụ thể của doanh nghiệp, nên chúng cũng có các cách tiếp cận khác nhau.
- Các chuẩn, các khung, các phương pháp quản lý dự án khác nhau sử dụng các cơ chế khác nhau để xác định cách thức làm việc.

# Các khung và tiêu chuẩn

- Một số phương pháp quản lý dự án chỉ đơn giản là xác định các nguyên tắc, như Agile. Những phương pháp khác xác định khung phương pháp “đầy đủ” (full-stack) gồm các chủ đề, nguyên tắc và quy trình, chẳng hạn như PRINCE2. Một số là danh sách đầy đủ các tiêu chuẩn với một số quy trình, chẳng hạn như PMBOK. Một số khác, như Scrum, chỉ đơn giản là định nghĩa các quy trình.
- Đối với chương trình học, chủ yếu sẽ tìm hiểu trên nền tảng PMBOK, nhưng có tham khảo các mô hình khác.

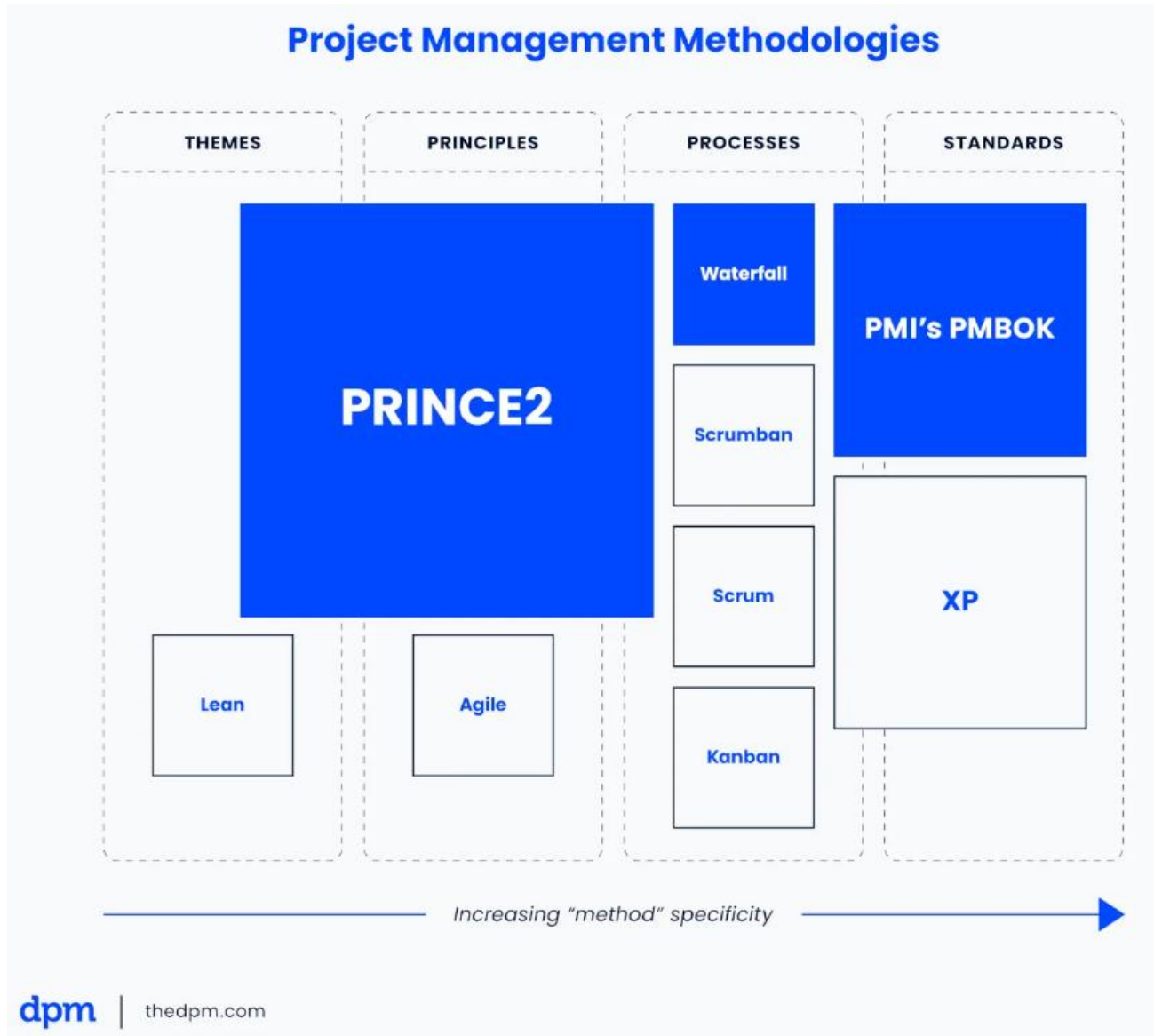
# Các khung và tiêu chuẩn

- **PMBOK** là viết tắt của Project Management Body of Knowledge, là một khuôn khổ quản lý dự án toàn diện được phát triển bởi Viện Quản lý Dự án (PMI). PMBOK cung cấp các nguyên tắc, thực tiễn tốt nhất và kỹ thuật được sử dụng trong quản lý dự án.
- PMBOK 6<sup>th</sup> Edition là phiên bản thứ 6 của PMBOK, được phát hành vào năm 2017. PMBOK6 tập trung vào việc cải thiện hiệu quả và tính linh hoạt của quản lý dự án, đồng thời đáp ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh.
- PMBOK 7<sup>th</sup> Edition là phiên bản thứ 7 của PMBOK, được phát hành vào năm 2022. PMBOK7 tập trung vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý dự án trong thời đại kỹ thuật số, bao gồm việc sử dụng công nghệ, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

# Các khung và tiêu chuẩn

- Trong chương trình sẽ sử dụng nguồn tham khảo chính là PMBOK 6 nhưng có định hướng và giới thiệu một số khái niệm mới xuất hiện trong PMBOK 7

# Các khung và tiêu chuẩn



# Các khung và tiêu chuẩn

- Thảo luận, tìm hiểu và so sánh:
  - Khung (Framework)
  - Tiêu chuẩn (Standards)
  - Nguyên tắc (Principles)
  - Chủ đề (Themes)trong quản lý dự án

# Q & A

**ThS. Tạ Việt Phương**  
phuongtv@uit.edu.vn